

Số: 413/QĐ-CĐSL

Sơn La, ngày 30 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trung cấp
cho học sinh khối trung cấp K57 đợt 2 năm 2022**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về Điều lệ trường Cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô - đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 434/QĐ-CĐSL ngày 08/8/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 776/QĐ-CĐSL ngày 05/11/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp nhóm ngành giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Biên bản số 60/BB-CĐSL ngày 30/6/2022 của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp trường Cao đẳng Sơn La;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trung cấp cho 141 học sinh khối trung cấp K57 đợt 2 năm 2022 của trường Cao đẳng Sơn La (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Phòng Đào tạo tổ chức cấp phát văn bằng cho học sinh theo đúng Quy chế và kế hoạch của Nhà trường.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng: Đào tạo, Tổ chức - Hành chính, Kế hoạch - Tài chính, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Công tác học sinh sinh viên; các khoa của trường Cao đẳng Sơn La và những học sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Long



DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT 2 NĂM 2022

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: TRUNG CẤP

KHỐI TRUNG CẤP NGOÀI SƯ PHẠM K57, KHÓA HỌC 2020-2022

(Kèm theo Quyết định số 413/QĐ-CDSL ngày 30/06/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La)

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TB 10)	Điểm TBC TL (TB 4)	Xếp loại (TB 4)
1	1357167002	Vũ Hoàng	Anh	09/11/1991	Sơn La	Nam	Kinh	Chăn nuôi thú y	8,4	3,58	Giỏi
2	1357167058	Hoàng Văn	Cương	15/06/1996	Sơn La	Nam	Thái	Chăn nuôi thú y	7,4	2,73	Khá
3	1357167038	Hồ Văn	Đại	18/05/1993	Vĩnh Phúc	Nam	Sán Dìu	Chăn nuôi thú y	8,35	3,38	Giỏi
4	1357167054	Cầm Văn	Hải	02/05/1995	Sơn La	Nam	Thái	Chăn nuôi thú y	7,58	2,85	Khá
5	1357167050	Lò Văn	Hải	18/10/2001	Sơn La	Nam	Thái	Chăn nuôi thú y	7,54	3	Khá
6	1357167055	Lèo Văn	Khoa	12/06/1993	Sơn La	Nam	Thái	Chăn nuôi thú y	7,24	2,67	Khá
7	1357167020	Mùa A	Lộng	15/05/2000	Sơn La	Nam	Mông	Chăn nuôi thú y	7,41	2,81	Khá
8	1357167056	Lò Thị	Nga	26/01/1998	Sơn La	Nữ	Thái	Chăn nuôi thú y	7,14	2,6	Khá
9	1357167057	Lò Văn	Nhất	02/03/1982	Sơn La	Nam	Thái	Chăn nuôi thú y	7,35	2,81	Khá
10	1357167049	Bạc Cầm	Quang	06/02/2001	Sơn La	Nam	Thái	Chăn nuôi thú y	7,28	2,71	Khá
11	1357167043	Lò Văn	Quyết	22/09/1998	Sơn La	Nam	Thái	Chăn nuôi thú y	7,22	2,65	Khá

		Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TĐ 10)	Điểm TBC TL (TĐ 4)	Xếp loại (TĐ 4)
12	1357167052	Lò Đức	Thuận	21/12/2002	Sơn La	Nam	Thái	Chăn nuôi thú y	7,66	2,9	Khá
13	1357167045	Lò Văn	Thuận	21/07/1996	Sơn La	Nam	Thái	Chăn nuôi thú y	7,43	2,77	Khá
14	1357167048	Quảng Thu	Trang	10/12/2002	Sơn La	Nữ	Thái	Chăn nuôi thú y	8,19	3,35	Giỏi
15	1357167003	Ly A	Chánh	07/07/2004	Sơn La	Nam	Mông	Chăn nuôi thú y	7,02	2,54	Khá
16	1357167009	Giàng Thị	Dạ	27/09/2004	Sơn La	Nữ	Mông	Chăn nuôi thú y	7,44	2,81	Khá
17	1357167013	Cà Minh	Hoàn	28/11/2005	Sơn La	Nam	Thái	Chăn nuôi thú y	6,75	2,37	Trung bình
18	1357167014	Lò Việt	Hoàng	30/11/2004	Sơn La	Nam	Thái	Chăn nuôi thú y	7,01	2,6	Khá
19	1357167016	Đào Quang	Huy	03/08/2005	Sơn La	Nam	Kinh	Chăn nuôi thú y	7,29	2,79	Khá
20	1357167021	Lường Thị	Huyền	26/06/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Chăn nuôi thú y	7,81	3,06	Khá
21	1357167019	Cà Văn	Long	08/08/2005	Sơn La	Nam	Thái	Chăn nuôi thú y	6,85	2,58	Khá
22	1357167024	Cà Văn	Nguyên	12/09/2005	Sơn La	Nam	Thái	Chăn nuôi thú y	6,68	2,35	Trung bình
23	1357167035	Vừ A	Thành	24/02/2005	Sơn La	Nam	Mông	Chăn nuôi thú y	6,91	2,46	Trung bình
24	1357104041	Giàng A	Chổng	23/04/2005	Sơn La	Nam	Mông	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6,96	2,56	Khá
25	1357104002	Cà Văn	Chung	05/08/2005	Sơn La	Nam	Thái	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7,12	2,67	Khá



STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TĐ 10)	Điểm TBC TL (TĐ 4)	Xếp loại (TĐ 4)
26	1357104004	Mùa A	Di	09/01/2005	Sơn La	Nam	Mông	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6,98	2,56	Khá
27	1357104005	Vàng A	Do	03/04/2005	Sơn La	Nam	Mông	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7,07	2,58	Khá
28	1357104009	Hà Văn	Đông	25/09/2005	Sơn La	Nam	Thái	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6,42	2,17	Trung bình
29	1357104010	Lò Văn	Đồng	01/12/2005	Sơn La	Nam	Thái	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6,86	2,52	Khá
30	1357104006	Ngân Văn	Dung	01/07/2005	Sơn La	Nam	Thái	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6,68	2,38	Trung bình
31	1357104042	Hà Văn	Hạnh	28/07/2005	Sơn La	Nam	Thái	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6,42	2,21	Trung bình
32	1357104012	Lò Ngọc	Hào	10/07/2005	Sơn La	Nam	Thái	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7,18	2,69	Khá
33	1357104013	Trương Việt	Hoàng	28/09/2005	Sơn La	Nam	Dao	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6,82	2,46	Trung bình
34	1357104016	Lường Tuấn	Khanh	01/08/2005	Sơn La	Nam	Thái	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6,33	2,04	Trung bình
35	1357104039	Cà Văn	Kiên	22/01/2001	Sơn La	Nam	Thái	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7,01	2,6	Khá
36	1357104048	Lê Văn	Liêm	16/09/2005	Sơn La	Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6,72	2,37	Trung bình
37	1357104044	Nguyễn Duy	Minh	11/12/2005	Sơn La	Nam	Thổ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6,73	2,37	Trung bình
38	1357104045	Phạm Hoàng	Nghĩa	19/05/2005	Sơn La	Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6,56	2,25	Trung bình
39	1357104040	Lường Thái	Nguyên	08/05/2005	Sơn La	Nam	Thái	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6,35	2,13	Trung bình

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TĐ 10)	Điểm TBC TL (TĐ 4)	Xếp loại (TĐ 4)
40	1357104023	Lù A	PLA	11/06/2005	Sơn La	Nam	Mông	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7,11	2,63	Khá
41	1357104047	Nguyễn Hồng	Son	29/08/2005	Sơn La	Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7,47	2,85	Khá
42	1357104028	Đinh Như	Thuật	03/11/2005	Sơn La	Nam	Mường	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6,87	2,52	Khá
43	1357104031	Mùa A	Tùa	22/03/2005	Sơn La	Nam	Mông	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7,73	3,06	Khá
44	1357104032	Lường Anh	Tuấn	09/06/2005	Sơn La	Nam	Thái	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6,73	2,38	Trung bình
45	1357104035	Nguyễn Ngọc	Vinh	23/11/2005	Sơn La	Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6,82	2,35	Trung bình
46	1357161002	Mùa Thị	Cha	03/08/2005	Sơn La	Nữ	Mông	Hành chính văn phòng	6,61	2,29	Trung bình
47	1357161004	Giàng A	Chur	15/07/2005	Sơn La	Nam	Mông	Hành chính văn phòng	6,56	2,29	Trung bình
48	1357161005	Giàng A	Cử	12/02/2005	Sơn La	Nam	Mông	Hành chính văn phòng	6,86	2,52	Khá
49	1357161009	Lường Minh	Đức	15/10/2005	Sơn La	Nam	Khơ mú	Hành chính văn phòng	6,34	2,08	Trung bình
50	1357161012	Giàng A	Hồ	13/9/2005	Sơn La	Nam	Mông	Hành chính văn phòng	6,86	2,5	Khá
51	1357161014	Lò Thị	Hương	25/5/2004	Sơn La	Nữ	Thái	Hành chính văn phòng	7,69	3,06	Khá
52	1357161015	Lò Văn	Khâm	02/11/2005	Sơn La	Nam	Xinh mun	Hành chính văn phòng	6,77	2,44	Trung bình
53	1357161018	Lò Văn	Long	27/11/2005	Sơn La	Nam	Xinh mun	Hành chính văn phòng	6,41	2,15	Trung bình



STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TĐ 10)	Điểm TBC TL (TĐ 4)	Xếp loại (TĐ 4)
54	1357161022	Lò Thị Bạch	Ngọc	16/08/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Hành chính văn phòng	7,31	2,79	Khá
55	1357161031	Mùa Xuân	Tường	20/6/2005	Sơn La	Nam	Mông	Hành chính văn phòng	6,62	2,35	Trung bình
56	1357155001	Cầm Thị	Anh	20/11/1988	Sơn La	Nữ	Thái	Kế toán hành chính sự nghiệp	8,02	3,17	Khá
57	1357155003	Lò Thị	Chang	27/07/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Kế toán hành chính sự nghiệp	6,98	2,63	Khá
58	1357155004	Cà Thị Ngọc	Châu	09/11/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Kế toán hành chính sự nghiệp	7,42	2,81	Khá
59	1357155005	Cà Văn	Dương	26/01/2005	Sơn La	Nam	Thái	Kế toán hành chính sự nghiệp	7,53	2,81	Khá
60	1357155007	Tòng Văn	Huy	22/06/2005	Sơn La	Nam	Thái	Kế toán hành chính sự nghiệp	6,65	2,29	Trung bình
61	1357155008	Tòng Văn	Khải	19/03/2003	Sơn La	Nam	Thái	Kế toán hành chính sự nghiệp	6,47	2,35	Trung bình
62	1357155010	Lò Thị Mai	Lệ	03/05/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Kế toán hành chính sự nghiệp	7,11	2,75	Khá
63	1357155016	Vì Văn	Nam	10/03/2004	Sơn La	Nam	Thái	Kế toán hành chính sự nghiệp	7,5	2,77	Khá
64	1357155019	Hoàng Thị	Oanh	29/08/1991	Sơn La	Nữ	Thái	Kế toán hành chính sự nghiệp	8,38	3,54	Giỏi
65	1357155022	Lê Xuân	Quỳnh	26/06/2005	Sơn La	Nữ	Kinh	Kế toán hành chính sự nghiệp	7,44	2,83	Khá
66	1357155035	Lê Thị	Tâm	09/11/1989	Sơn La	Nữ	Kinh	Kế toán hành chính sự nghiệp	7,84	3,15	Khá
67	1357155024	Lò Thị	Thành	13/11/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Kế toán hành chính sự nghiệp	7,23	2,73	Khá

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TĐ 10)	Điểm TBC TL (TĐ 4)	Xếp loại (TĐ 4)
68	1357155025	Lò Nguyệt	Thiên	13/02/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Kế toán hành chính sự nghiệp	7,45	3	Khá
69	1357155026	Cà Văn	Tùng	08/06/2005	Sơn La	Nam	Thái	Kế toán hành chính sự nghiệp	6,6	2,48	Trung bình
70	1357155027	Lò Thị Ánh	Tuyết	29/09/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Kế toán hành chính sự nghiệp	7,64	2,98	Khá
71	1357155028	Quảng Thị	Uyên	17/11/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Kế toán hành chính sự nghiệp	7,37	2,73	Khá
72	1357155029	Lò Thị	Vui	05/11/2001	Sơn La	Nữ	Thái	Kế toán hành chính sự nghiệp	7,6	2,9	Khá
73	1357155030	Cà Thị Kiều	Vy	15/07/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Kế toán hành chính sự nghiệp	6,83	2,48	Trung bình
74	1357155031	Lò Văn	Xoai	27/09/2005	Sơn La	Nam	Thái	Kế toán hành chính sự nghiệp	7,81	3,1	Khá
75	1357168027	Quảng Văn	Cấp	21/06/2005	Sơn La	Nam	Thái	Khuyến nông lâm	7,05	2,5	Khá
76	1357168029	Cầm Đức	Chi	14/06/2005	Sơn La	Nam	Thái	Khuyến nông lâm	6,99	2,4	Trung bình
77	1357168022	Lò Văn	Chung	05/02/1991	Sơn La	Nam	Thái	Khuyến nông lâm	7,98	3,13	Khá
78	1357168004	Hoàng Tiến	Đạt	09/10/2005	Sơn La	Nam	Thái	Khuyến nông lâm	7,5	2,88	Khá
79	1357168003	Tòng Khánh	Duy	21/10/2005	Sơn La	Nam	Thái	Khuyến nông lâm	7,12	2,58	Khá
80	1357168007	Quảng Văn	Giang	23/06/2005	Sơn La	Nam	Thái	Khuyến nông lâm	6,63	2,33	Trung bình
81	1357168024	Vì Thị	Hiền	03/09/2005	Sơn La	Nữ	Xinh mun	Khuyến nông lâm	7,79	3,15	Khá

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TĐ 10)	Điểm TBC TL (TĐ 4)	Xếp loại (TĐ 4)
82	1357168025	Lò Văn	Mạnh	03/04/2005	Sơn La	Nam	Thái	Khuyến nông lâm	6,53	2,35	Trung bình
83	1357168010	Lò Thị	Phong	19/02/2005	Sơn La	Nữ	Khơ mú	Khuyến nông lâm	7,88	3,15	Khá
84	1357168034	Quảng Văn	Phong	21/04/2005	Sơn La	Nam	Thái	Khuyến nông lâm	6,8	2,48	Trung bình
85	1357168012	Vì Văn	Phương	04/09/2005	Sơn La	Nam	Thái	Khuyến nông lâm	6,88	2,38	Trung bình
86	1357168033	Lý A	Quốc	03/09/2005	Sơn La	Nam	Mông	Khuyến nông lâm	6,61	2,37	Trung bình
87	1357168015	Mùa Mai	Song	22/08/2003	Sơn La	Nam	Mông	Khuyến nông lâm	6,2	2	Trung bình
88	1357168016	Giàng A	Sùng	18/05/2005	Sơn La	Nam	Mông	Khuyến nông lâm	6,65	2,38	Trung bình
89	1357168017	Lò Thị	Sươi	26/09/1989	Sơn La	Nữ	Thái	Khuyến nông lâm	7,7	2,88	Khá
90	1357168018	Lèo Thị	Thiệp	18/02/1990	Sơn La	Nữ	Thái	Khuyến nông lâm	7,61	2,94	Khá
91	1357168032	Hoàng Văn	Thuận	06/12/1999	Sơn La	Nam	Thái	Khuyến nông lâm	7,79	2,9	Khá
92	1357168020	Lò Văn	Toản	11/05/1989	Sơn La	Nam	Thái	Khuyến nông lâm	7,55	2,85	Khá
93	1357168021	Tòng Ngọc	Trọng	03/09/2005	Sơn La	Nam	Thái	Khuyến nông lâm	7,14	2,69	Khá
94	1357168026	Lò Thị	Xoan	22/11/2005	Sơn La	Nữ	Xinh mun	Khuyến nông lâm	7,74	2,9	Khá
95	1357166001	Lèo Văn Quốc	Anh	19/02/2005	Sơn La	Nam	Thái	Lâm sinh	7,4	2,81	Khá

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TĐ 10)	Điểm TBC TL (TĐ 4)	Xếp loại (TĐ 4)
96	1357166009	Lèo Văn	Diệp	20/03/2005	Sơn La	Nam	Thái	Lâm sinh	6,99	2,62	Khá
97	1357166007	Hà Văn	Diệp	26/02/2005	Sơn La	Nam	Thái	Lâm sinh	6,68	2,4	Trung bình
98	1357166008	Lèo Văn	Diệp	14/01/2005	Sơn La	Nam	Thái	Lâm sinh	7,2	2,71	Khá
99	1357166005	Lò Văn	Duy	02/11/2005	Sơn La	Nam	Thái	Lâm sinh	6,8	2,4	Trung bình
100	1357166011	Hồ Trung	Hải	06/06/2004	Sơn La	Nam	Kinh	Lâm sinh	7,04	2,62	Khá
101	1357166026	Giàng A	Say	05//01/2005	Sơn La	Nam	Mông	Lâm sinh	7,35	2,83	Khá
102	1357166029	Quàng Văn	Sơn	07/07/2005	Sơn La	Nam	Thái	Lâm sinh	6,92	2,5	Khá
103	1357166031	Quàng Văn	Thuận	11/01/2005	Sơn La	Nam	Thái	Lâm sinh	6,43	2,08	Trung bình
104	1357166033	Quàng Văn	Trương	05/11/2005	Sơn La	Nam	Thái	Lâm sinh	6,57	2,37	Trung bình
105	1357166034	Hà Xuân	Trường	22/03/2005	Sơn La	Nam	Thái	Lâm sinh	6,78	2,54	Khá
106	1357166036	Tòng Văn	Việt	04/09/2005	Sơn La	Nam	Thái	Lâm sinh	6,72	2,37	Trung bình
107	1357164004	Quàng Quang	Chung	17/01/2005	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	7,54	3	Khá
108	1357164006	Vì Thị Hương	Diễm	05/03/2005	Sơn La	Nữ	Xinh mun	Tin học ứng dụng	7,3	2,71	Khá
109	1357164008	Vì Thị	Hà	31/01/2005	Sơn La	Nữ	Xinh mun	Tin học ứng dụng	7,25	2,71	Khá



STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TĐ 10)	Điểm TBC TL (TĐ 4)	Xếp loại (TĐ 4)
110	★1357164011	Trịnh Minh	Hân	27/05/2005	Sơn La	Nam	Kinh	Tin học ứng dụng	8,31	3,48	Giỏi
111	1357164012	Hà Trung	Hiếu	13/01/2005	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	7,45	2,9	Khá
112	1357164041	Vũ Trung	Hiếu	02/07/2005	Sơn La	Nam	Kinh	Tin học ứng dụng	7,51	3,06	Khá
113	1357164014	Lò Minh	Hoàng	04/04/2004	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	7,75	2,94	Khá
114	1357164015	Nguyễn Văn	Hùng	18/01/2004	Sơn La	Nam	Kinh	Tin học ứng dụng	6,93	2,5	Khá
115	1357164042	Tòng Văn	Lực	13/07/2005	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	7,08	2,56	Khá
116	1357164023	Lường Văn	Nghiệp	11/02/2004	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	7,67	3,04	Khá
117	1357164024	Lò Duy	Nhật	05/09/2005	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	6,36	2,12	Trung bình
118	1357164025	Vàng A	Phạnh	08/04/2004	Sơn La	Nam	Mông	Tin học ứng dụng	6,6	2,21	Trung bình
119	1357164026	Lê Thanh	Phúc	03/05/2005	Sơn La	Nam	Kinh	Tin học ứng dụng	8,03	3,21	Giỏi
120	1357164045	Phạm Quang	Trung	10/10/2005	Sơn La	Nam	Kinh	Tin học ứng dụng	7,95	3,23	Giỏi
121	1357164034	Đoàn Xuân	Trường	22/11/2005	Sơn La	Nam	Kinh	Tin học ứng dụng	7,64	3,02	Khá
122	1357164035	Lường Văn	Tuấn	07/03/2005	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	8	3,31	Giỏi
123	1357164037	Lèo Hoàng	Việt	09/06/2005	Sơn La	Nam	Thái	Tin học ứng dụng	6,94	2,5	Khá

STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TĐ 10)	Điểm TBC TL (TĐ 4)	Xếp loại (TĐ 4)
124	1357164038	Nguyễn Quang	Vinh	13/03/2004	Sơn La	Nam	Kinh	Tin học ứng dụng	8,28	3,46	Giỏi
125	1357502004	Tráng A	Chua	09/9/2005	Sơn La	Nam	Mông	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7,04	2,58	Khá
126	1357502007	Lường Văn	Đạt	05/4/2004	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7,23	2,69	Khá
127	1357502005	Mùa Thị	Di	02/08/2005	Sơn La	Nữ	Mông	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7,24	2,75	Khá
128	1357502043	Hà Văn	Đoàn	12/03/1991	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7,91	3,12	Khá
129	1357502006	Tòng Thị	Du	27/10/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7,56	2,9	Khá
130	1357502036	Chá Thị	Hoa	02/09/2002	Sơn La	Nữ	Mông	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	8,06	3,15	Khá
131	1357502039	Cầm Văn	Hóa	05/07/1985	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	6,74	2,17	Trung bình
132	1357502012	Lò Văn	Khải	04/4/2000	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	8,66	3,71	Xuất sắc
133	1357502013	Tòng Văn	Kiên	02/11/2005	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	6,29	2,12	Trung bình
134	1357502015	Hoàng Văn	Mạnh	13/4/2002	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7,54	2,87	Khá
135	1357502016	Sòng Lao	Mạnh	06/11/2005	Sơn La	Nam	Mông	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	6,81	2,58	Khá
136	1357502020	Cà Văn	Phấn	10/01/2005	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	8	3,21	Giỏi
137	1357502021	Lò Minh	Quân	10/04/2005	Sơn La	Nam	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7,24	2,71	Khá



STT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Điểm TBC TL (TĐ 10)	Điểm TBC TL (TĐ 4)	Xếp loại (TĐ 4)
138	1357502023	Tráng A	Sông	14/9/2005	Sơn La	Nam	Mông	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	6,7	2,31	Trung bình
139	1357502025	Tráng A	Thái	07/01/2005	Sơn La	Nam	Mông	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7,46	2,81	Khá
140	1357502027	Tòng Thị	Thu	01/01/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7,67	2,94	Khá
141	1357502031	Triệu Đức	Trung	08/8/2005	Sơn La	Nam	Dao	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	6,57	2,29	Trung bình

Danh sách này có: 141 học sinh